

TÌM HIỂU QUAN HỆ GIỮA TRUYỆN DÂN GIAN CỦA NGƯỜI TÀY VÀ NGƯỜI THÁI VỚI TRUYỆN DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT

ĐẶNG VIỆT BÍCH

Nước ta là một quốc gia đa dân tộc. Nhà nước Việt Nam chính thức khẳng định số lượng các dân tộc trên đất nước ta là 54. Ngoài người Kinh (Việt) là tộc người đa số còn có 53 tộc người anh em khác. Trước nay, các nhà nghiên cứu của chúng ta vẫn khẳng định mạnh mẽ rằng người Kinh và các dân tộc thiểu số còn lại có quan hệ mật thiết từ xa xưa.

Truyện dân gian của người Thái ở Tây Bắc nước ta bảo rằng ở Mường Then (Mường Thanh nghĩa là Mường Trời) có một quả bầu tiên kỳ vĩ. Từ trong quả bầu đó các tộc người khác nhau đã ra đời. Người đi về hướng Đông thành người Kinh. Người đi sang phía Tây thành người Lào. Người đi đến phía Tây nhưng sau đó lại tiến dọc sông Mê Kông xuôi về Nam thành người Thái.

Người Lào (Thay Lao) cũng có sự tích "Quả bầu mẹ" na ná truyện của người Thái ở Tây Bắc nước ta.

Trường ca thần thoại Mường "*Đẻ Đất, Đẻ Nước*" nổi tiếng bấy nay có nói tới chuyện từ một bọc 100 trứng nở ra hai anh em Lang Tả Càn (Tạ Càn) hay Lang Kun Kân và Lang Đá Cài, cùng một nàng con gái là nàng Yạ Kít (Dạ Kít), tổ của người Mường. Lang Tả Cài là anh cả, sau bị chết Lang Kun Kân là em trai Tả Cài, lấy em gái ruột của mình là nàng Yạ Kít. Năm mươi quả trứng khác nở thành người Kinh chiếm giữ đồng bằng và vùng trung châu. Còn lại 47 quả trứng nở thành các dân tộc ít người khác - Thái, Mèo, Dao, Tày, Nùng, Xá, Nhắng, Lô Lô, Sán Dìu, Sán Chay (Sán Chỉ)...

Còn quan hệ giữa người Kinh (Việt) và người Mường thì quá mật thiết. Ngày nay hầu như không có ai đứng ra phản đối quan niệm coi Việt-Mường nguyên từ một gốc mà ra, đến một lúc nào đó mới hình thành hai dân tộc riêng biệt như ta thấy ở thời hiện đại.

Từ nhiều năm nay, từ 1989 trên cơ sở những thành tựu khoa học có từ trước, tôi cho rằng sự ra đời, phát triển của dân tộc Việt chúng ta với hai cội rễ, chủ yếu là Thái Trắng cổ - Tày cổ (Hùng Vương, My Nương) một bên và Môn cổ - Khơ-me cổ (Sơn Tinh) một bên. Hai bên hoà hợp cùng nhau thành một tộc người, chủ nhân văn hoá đồ đồng Đông Sơn nổi tiếng. Trong bài viết này tôi chỉ giới hạn vấn đề trong việc đi tìm một vài ảnh hưởng của truyện dân gian Việt, góp phần minh chứng cho quan niệm của tôi đã trình bày ở trên về cội nguồn người Việt chúng ta. Song, như đọc giả đã rõ, tiêu đề của bài viết cho thấy ở đây tác giả mới chỉ có thể tìm hiểu ảnh hưởng của truyện dân gian Thái và Tày, nghĩa là hai tộc người thuộc nhóm Thái tộc rộng lớn và đông đảo ở miền Bắc nước ta. Thái hay Tày đều chỉ là những biến dạng của một từ chung. Ta còn thấy có những dạng khác như Thay, Tai, Đai, Đai, Đày hay Kadai... Ảnh

hưởng của truyện dân gian của nhóm Môn-Khơ-me tác giả chưa có dịp khảo sát, đành để vào một dịp khác sẽ trình bày cùng bạn đọc.

Một mô típ quen thuộc trong truyện dân gian Đông Á và Đông Nam Á, có thể nói rộng hơn, cả khu vực Á-Úc là mô típ người lấy vợ tiên. Tuy nhiên nếu chỉ nói người lấy tiên thì còn chung chung. Có khi tiên là người đẹp từ trong tranh bước ra và sau này cùng người bay lên trời. Nhưng cũng có cả bầy tiên nữ giáng trần bằng cánh bay. Ở nước ta có truyện *Bích Câu kỳ ngộ* mà Vũ Quốc Trân nói về nàng tiên Giáng Kiều từ trong tranh bước ra sống chung với chàng học trò Tú Uyên, sau hai vợ chồng cưới hạc bay lên trời. Nay còn chùa Bích Câu ở Hà Nội. Mô típ quen thuộc này còn thấy ở Trung Hoa, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Người Nam Đảo ở Tân Thế giới (Nouvelle Calédonie) có chuyện người đẹp (tiên) từ trong cây mía bước ra chung sống với người. Vùng này mía là đặc sản. Có ý kiến coi mía có cội nguồn từ đây rồi lan toả đi các nơi của thế giới.

Trong các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái mô típ người lấy tiên rất phổ biến. Người Thái ở Tây Bắc có chuyện một đàn tiên nữ giáng trần, bỏ bộ cánh bên bờ suối và rủ nhau tắm (tập thể) trong dòng nước mát. Một chàng trai núp trong bụi rậm bên bờ suối theo dõi các tiên nữ tắm và chàng ta dấu nhộm một bộ cánh của một nàng tiên nữ. Khi thấy động, các nàng tiên bèn chạy đi tìm cánh của mình để bay về trời. Riêng nàng tiên nọ tìm mãi không thấy bộ cánh của mình, đành phải ở lại, chung sống cùng chàng trai trẻ kia. Có dị bản nói chàng trai nọ nhúng xuống nước bộ cánh của nàng tiên, cánh ướt, nàng tiên không về trời được.

Trong kho tàng truyện dân gian Việt cổ có chuyện *Ả Chức-chàng Ngươi*, còn gọi là chuyện *Vợ chồng Ngâu*. Tôi xin dẫn ra ở đây nguyên văn câu chuyện mà học giả Nguyễn Đông Chi đã biên chép đầy đủ trong sách "Lược khảo về thần thoại Việt Nam" (do Ban nghiên cứu Văn - Sử - Địa xuất bản, Hà Nội, 1956).

"Ả Chức hình như cũng là con của Ngọc Hoàng. Trái với nàng Bàn, Ả Chức là cô gái khéo tay nhất. Nghề chuyên môn của nàng là dệt. Quanh năm nàng xe tơ dệt biết bao nhiêu gấm đẹp dùng vào việc may áo cho mọi người ở thượng giới. Những áng mây năm sắc mà chúng ta thường thấy là gấm mà nàng đã dệt xong, tung ra phơi phóng. Ả Chức còn thạo về nghề vá may, nghề làm bánh trái nữa. Vì thế nàng được Ngọc Hoàng giao cho việc trông nom về nữ công của hạ giới. Nàng làm việc luôn canh không biết mệt mỏi.

Chồng Ả Chức là chàng Ngưu. Lịch sử tình duyên của hai người có nhiều nổi éo le. Hồi đó Ả Chức cùng với hai cô bạn xuống tắm ở giếng Tiên. Giếng Tiên bây giờ không có đích xác ở nơi nào nhưng nghe nói đó là một nơi mà người hạ giới chưa từng ai đặt chân đến. Vì thế mà thỉnh thoảng các mỹ nhân ở thiên đình vẫn xuống đấy vùng vẫy. Ngày hôm ấy, không ngờ lại có một chàng trai người hạ giới lên rừng đón củi đi lạc đến đó. Người ấy là chàng Ngưu. Chàng đứng khuất ở một bụi cây thấy ba cô từ trên trời xuống cùng cởi áo để lên bờ xuống tắm, bèn trộm lấy một bộ rồi nấp ở một xó.

Khi ba nàng tắm xong lên bờ thì mới biết mất trộm áo. Hai cô kia thấy động bóng người trần vội vã mặc áo vào và bay lên trời. Còn một mình Ả Chức ở lại. Chàng Ngưu ra khỏi chỗ nấp, ngỏ lời cầu thân. Ả Chức cố xin lại áo để về trời nhưng chàng Ngưu nhất định không nghe, cuối cùng đành phải theo chàng trai lạ kia về nhà làm vợ chàng từ đấy.

Hai vợ chồng ăn ở với nhau được ít lâu sinh được một đứa con trai. Một hôm chàng Nguru có việc phải đi vắng lâu ngày, ở nhà trong lúc đổ thóc ra phơi, Á Chức tìm thấy bộ áo cũ của mình chồng giấu dưới cót. Nàng mặc áo vào và tập bay thử. Đứa bé thấy mẹ bay lên bay xuống giữa sân không biết là mẹ mình sắp bay lên trời, cười như nắc nẻ. Đến ngày li biệt, nàng giã gạo nhiều làm bánh, dặn con mỗi ngày lấy một chiếc mà ăn. Đoạn, nàng cởi trâm gài cổ áo của con gửi lại cho chồng rồi bay lên trời.

Chàng Nguru trở về thấy mất vợ. Tìm áo cũ của vợ thì áo đã mất lại thấy trâm vợ cài vào áo con, chàng biết là vợ mình đã trốn về trời. Từ đây chàng buồn rầu không thiết làm ăn gì nữa. Sau cùng chàng quyết định lên trời tìm vợ. Chàng lại bỗng con tìm đến giếng tiên, hy vọng sẽ gặp vợ xuống tắm ở đấy.

Hai cha con chực mãi mấy ngày chẳng thấy bóng một người nào lai vãng. Đến ngày thứ ba mới gặp một cô gái từ trên trời xuống múc nước. Chàng giả làm người khát nước đến lân la chuyện trò và kể nông nổi của mình. Cô gái nhà trời hứa với chàng sẽ về nói chuyện cho Á Chức biết. Chàng đưa chiếc trâm của vợ cho cô gái cầm về cho vợ tin. Chẳng bao lâu cô gái nọ được lệnh của Á Chức đưa mọi phương tiện xuống cho hai cha con lên trời.

Vợ chồng mẹ con gặp nhau, cảnh vui mừng kể sao cho xiết. Nhưng chỉ được một ngày cha con đã phải trở về cõi thượng giới đâu phải là chỗ cho người trần trú ngụ. Phép luật của Ngọc Hoàng rất nghiêm ngặt. Ban đầu chàng Nguru định liêu ở lại nhưng Á Chức khuyên chàng hãy về một ít lâu rồi nàng sẽ lần hỏi xin với Ngọc Hoàng sau. Rồi đó nàng bảo thị tì giòng dây cho cha con xuống. Nàng lưu ý gói cho cha con ăn đường và giao cho chồng một cái trống dặn hễ đến đất thì đánh lên ít tiếng để trên này biết mà cất giầy.

Hai cha con xuống được nửa đường. Thấy con khóc đòi, cha Nguru bèn dừng lại đặt trống làm mâm rồi giở cơm gói ra cho con ăn. Đứa bé làm vương vãi cơm trên mặt trống. Một bầy quạ thấy vậy bèn sà xuống mổ lấy mổ để. Khi nghe tiếng trống, ở thiên đình tưởng là cha con đã về đến nơi, vội cắt dây. Giây đứt chàng Nguru cùng con rơi xuống biển. Bầy quạ thấy mình gây nên cơ sự như thế vội vã bay lên trời kêu vánh cả lên.

Ngọc Hoàng khi biết rõ đầu đuôi, cảm vì tình yêu của chàng Nguru và Á Chức bèn cho phép hai người được kết duyên nhưng bắt đôi vợ chồng chỉ được phép gặp nhau có một lần vào đêm mồng bảy tháng bảy của hạ giới. Đàn quạ có lỗi thì Ngọc Hoàng bắt chúng đem ấy phải đội đá đắp cầu cho hai vợ chồng qua sông.

Vì thế mà đêm ấy người hạ giới thấy hai ngôi sao Chức Nữ và Khiên Nguru đi khít lại với nhau ở hai bên sông Ngân hà. Và cũng vì thế mà họ còn thấy những con quạ trong khoảng tháng bảy vì đội đá nên đầu rụng hết lông thành ra đầu sỏi. Buồn vì luật lệ nghiêm ngặt của cha làm cho vợ chồng gặp nhau ngắn ngủi nên đã có lúc Á Chức ngồi trước khung cửi, giạt đứt những giây tơ quăng đi. Cũng vì thế mà từ trung tuần tháng bảy người hạ giới thấy từ trên trời rơi xuống từng sợi tơ bay ngang dọc trên mặt đất".

Cùng mô típ người lấy tiên làm vợ, một chàng trai trẻ lấy cặp bộ cánh của một tiên nữ khiến tiên nữ nọ không bay lên trời được, bèn ở lại hạ giới cùng chàng kia sống đời chồng vợ nhưng ở truyện dân gian của người Thái (Tây Bắc và Bắc Trung Bộ) đơn

giản hơn truyện "Á Chức Chàng Ngưu" của người Việt rất nhiều. Tuy nhiên mô típ chàng trai cất dần bộ cánh của tiên nữ thì vẫn không thay đổi, chúng ta dễ dàng nhận ra.

Thần thoại của người Kinh (Việt) có chuyện đôi vợ chồng Lạc Long Quân Âu Cơ sinh hạ được một trăm người con. Sau năm mươi con theo cha xuống biển còn năm mươi con khác theo mẹ lên núi. Âu Cơ giống Tiên còn Lạc Long Quân nòi Rồng. Thần thoại của người Tày ở nước ta có chuyện Pú Lương Quân (Ông Lương Quân). Tại Cao Bằng chuyện này có tên là Pú Luông, Đảo Lải (Ông To, Bà Lớn) hay Sao Cải, Bắc Luông (Gái lớn, Trai to). Tại các địa phương Bắc Cạn và Tuyên Quang chuyện này có tên khác là Tài Ngào (Khổng Lồ). Tuy có nhiều dị bản nhưng nội dung chính của nó vẫn là cốt truyện đôi vợ chồng sinh hạ được một trăm con hay trăm trứng.

Người đàn ông là Báo Luông, đàn bà tên Sao Cải, cả hai đều to lớn, họ là hai con người đầu tiên. Một trăm con của họ là thuỷ tổ của bách tính (trăm họ) trong thiên hạ như các họ Lê, Mã, Tô, Vũ, Lâm, Trần, Phạm, Trường, Nông, Bé, Hà, Đào, Lý, Đinh, Hoàng...

Khi bắt đầu văn hoá Phùng Nguyên (-2000) đồng bằng sông Hồng đã bước đầu hình thành. Biển còn vào tận vùng thị xã Sơn Tây (hiện giờ). Tuy nhiên vùng Phú Thọ-Phong Châu Hạc Trì đã có đồng bằng. Có thể phỏng đoán cư dân tại hai miền này có cội nguồn Thái-Tày (Thái Trắng cổ-Tày cổ). Họ canh tác lúa nương trên vùng đồi núi trung du và cả trong những cánh đồng.

Tại vùng quanh Ba Vì, vùng sông Mã và lưu vực sông Rum (Lam Giang) sinh tụ cư dân Môn cổ Khơ-me cổ. Họ là chủ nhân văn hoá Cồn Chân Tiên ở sông Mã. Tại phía Bắc người Thái cổ-Tày cổ đã phát triển liên tục sau nền văn hoá Đông Đậu, tại phía Nam người Môn cổ - Khơ-me cổ phát triển văn hoá Bái Man cả hai có vùng niên đại từ -1500 đến -1100. Hai bên lưỡng hợp vào thời kỳ Gò Mun ở sông Hồng - và Quỳ Chử tại sông Mã (-1100 đến -700). Có thể cả hai bên đều phát triển nền văn hoá trồng lúa, văn hoá gốm và văn hoá đồng thau sơ kỳ trong thời kỳ trước Gò Mun và Bái Man. Tuy nhiên, có thể nền văn minh của các nhóm Thái-Tày ở phía Bắc đạt trình độ cao hơn các nhóm Môn-Khơ-me.

Ngày nay người Khơ-me (Nam Á) đã thành lập nhà nước Campuchia. Chúng ta không nên coi người Môn-Khơ-me cổ (Sơn Tinh) ở miền Bắc nước ta trong thời cổ, từ Ba Vì trở về - vùng sông Rum, đã đạt tới trình độ cao như người Khơ-me ở Vương quốc Chân Lạp thời kỳ Trung thế kỷ, chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hoá Ấn Độ, tiếp thu Bà La Môn giáo và Phật giáo, văn tự Pali của Ấn. Song các nhóm Môn-Khơ-me ở Tây Nguyên như Ba-na, Mnong, Mạ... hay ở Bắc Trường Sơn như Vân Kiều, Bru, Pakô, Tà ôi... cũng chưa thật sự cho chúng ta một hình ảnh về nhóm cư dân Môn-Khơ-me với trình độ phát triển cao hơn họ mới cho ta một hình ảnh về nhóm Nam Á của Sơn Tinh. Chính những nhóm Môn-Khơ-me chiếm lĩnh vùng Ba Vì (hạ lưu Đà Giang), đồng bằng sông Mã, sông Chu, sông Lam... đã đạt tới trình độ phát triển văn minh khá cao, cao hơn đồng tộc của họ ở Tây Nguyên và Bắc Trường Sơn hiện nay, đã hỗn hợp với các nhóm Thái cổ phía Bắc vùng Hà Bắc và Phong Châu. Trên các con dao bằng đồng thời Đông Sơn đào được ở Thanh Hoá chúng ta thấy khuyên đeo tai của người Đông Sơn quá to. Rất có thể cư dân Đông Sơn khác hoá những người có tục căng tai, giống như người Tây Nguyên.

Các nhóm cư dân thuộc ngữ hệ Thái có chung một cơ tầng văn hoá, ngôn ngữ, phong tục, tập quán. Có thể không phải chỉ một nhóm Thái tham gia vào sự hình thành người Lạc Việt chủ nhân văn hoá Đông Sơn. Các tộc người sống gần nhau thường chịu ảnh hưởng văn hoá của nhau. Có hiện tượng mô típ truyện dân gian di truyền từ nơi này sang nơi khác, từ Bắc xuống Nam, từ Tây qua Đông và ngược lại.

Hai mô típ Folklore kể trên - người lấy tiên và cặp vợ chồng đẻ trăm trứng - có thể thấy, vốn là của tộc người Thái. Khi tham gia vào cộng đồng Lạc Việt các nhóm Thái khác nhau đã đem di sản văn hoá và hành trang tinh thần cổ hữu để xây dựng nên một tộc người mới mẻ hoàn toàn - người Lạc Việt, thủy tổ của người Việt hiện đại.

Quan hệ giữa truyện dân gian Tây và Thái với truyện dân gian của người Kinh (Việt) chắc hẳn còn phong phú mà các nhà nghiên cứu có thể dày công khai thác, tìm hiểu. Ở trong bài viết này tôi chỉ mới có thể đưa ra một vài nhận xét sơ bộ như trên về người Thái ở Tây Bắc với loại hình mừng cho ta một hình ảnh về cấu trúc xã hội của nhóm Thái cổ Hùng Vương làm đầu lĩnh.

Hùng Vương có thể là thủ lĩnh một mường rất lớn, hùng mạnh nhất trong số các mường Thái ở vùng Phong Châu và Hà Bắc. Đất bản bộ của dòng họ Hùng Vương là Phong Châu. Từ chỗ làm chủ một mường lớn và hùng mạnh đông dân cư phát triển và sản xuất văn minh, văn hoá, có binh lực hùng hậu, có cấu trúc xã hội bền vững, dòng họ Hùng Vương đã thống nhất được lực lượng của cả người gốc Thái ở phía Bắc và người Môn-Khe-me ở phía Nam.

HỆ THỐNG RUỘNG BẠC THANG..... (tiếp trang 48)

truyền thống những người dân vùng cao, đã nhận thức rất rõ ràng về tầm quan trọng của rừng và họ không muốn phá rừng. Nhưng do sức ép của quá trình tăng dân số, do diện tích ruộng nước quá ít, do thói quen canh tác nương rẫy, do sự tác động của các chính sách xã hội mà nhiều lô rừng đã không thể bảo vệ được. Đây là một nguy cơ thực sự đe dọa môi trường sống của con người, và sự xuất hiện những triền ruộng bậc thang cũng chỉ góp một phần nhỏ hạn chế nguy cơ này. Dù chỉ là như vậy thì đóng góp này cũng rất đáng trân trọng vì canh tác ruộng bậc thang đã mở ra một lối thoát.

Hệ thống ruộng bậc thang ở các vùng miền núi phía Bắc xuất hiện, tồn tại và khẳng định được vị trí của nó là phản ánh quá trình thích ứng của con người với sự biến đổi của môi trường. Ruộng bậc thang có những ưu điểm như đã nêu ở trên là điều không thể phủ nhận; song nó cũng có mặt trái của nó. Sự hiện diện của những triền ruộng bậc thang cũng là thực tế cho thấy nguồn đất rừng có thể khai phá thành nương rẫy đã cạn kiệt, và hàng nghìn hecta loại ruộng này đang tồn tại cũng có nghĩa là hàng nghìn hecta rừng đã biến mất. Trong điều kiện hiện nay của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc việc kết hợp hài hoà giữa canh tác ruộng bậc thang và nương rẫy với việc bảo vệ và tái tạo rừng phải được coi là nhiệm vụ hàng đầu, cần được tính toán sao cho hợp lý, có hiệu quả cao để duy trì sự cân bằng của hệ sinh thái, cả dưới góc độ tự nhiên, cả dưới góc độ nhân văn./.

CHÚ THÍCH

- (1). Nguyễn Văn Huy. *Văn hoá và nếp sống Hà Nội* - Lô Lô. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1985, tr. 43
- (2). Nguyễn Văn Huy. *Văn hoá truyền thống người La Chí*. Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1991, tr. 28.
- (3). Cẩm Trọng. *Người Thái ở Tây Bắc ở Tây Bắc Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 122.